

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ
Eastspring Investments**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 37



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 106/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 2138/GPDC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty mẹ đã nhận giấy phép thành lập và hoạt động số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép kinh doanh Điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Terence Lim Ming Wan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 9 năm 2024
Ông Faizal Gaffoor	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2024
Ông Ngô Thế Triệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023
Ông Phương Tiến Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 2 năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Ngô Thế Triệu, tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Ngô Thế Triệu - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Tổng Giám đốc") chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 13426425/67866416

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1



Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		517.836.121	314.082.210
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	17.224.155	53.472.464
111	1. Tiền		17.224.155	23.472.464
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	400.000.000	180.000.000
121	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		400.000.000	180.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		98.304.827	77.890.963
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.1	5.711.631	-
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	7.2	88.477.043	75.765.413
135	3. Phải thu khác	7.3	4.146.153	2.155.550
139	4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(30.000)	(30.000)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.307.139	2.718.783
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.307.139	2.718.783
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.046.315	10.290.978
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.238.356	1.238.356
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	1.238.356	1.238.356
220	II. Tài sản cố định		7.268.171	6.196.483
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	558.315	1.128.581
222	Nguyên giá		4.681.283	4.560.943
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.122.968)	(3.432.362)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	6.340.922	-
228	Nguyên giá		7.431.243	131.501
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.090.321)	(131.501)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	368.934	5.067.902
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.539.788	2.856.139
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		744.857	132.249
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	3.794.931	2.723.890
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		530.882.436	324.373.188

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

B01-CTQ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		58.962.454	46.441.673
310	I. Nợ ngắn hạn		55.886.422	39.876.807
312	1. Phải trả người bán		306.180	-
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	14.274.461	11.248.808
315	3. Phải trả người lao động		-	1.747.916
316	4. Chi phí phải trả	13	37.688.740	26.117.106
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	3.617.041	762.977
330	II. Nợ dài hạn		3.076.032	6.564.866
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	15	1.532.452	1.261.724
337	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	1.543.580	5.303.142
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		471.919.982	277.931.515
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	25.000.000	25.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		2.500.000	2.500.000
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.500.000	2.500.000
420	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		441.919.982	247.931.515
420a	4.1 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		247.931.515	96.606.045
420b	4.2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		193.988.467	151.325.470
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		530.882.436	324.373.188

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
001	Cam kết thuê hoạt động	28	7.366.613	12.192.988
005	Ngoại tệ	29	1.991.040	876.432
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	24	3.469.137.351	2.365.769.737
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	25	156.117.880.252	144.473.009.274
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	26	5.598.623.292	6.207.229.106
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	27	113.534.909	447.711.079




Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng




Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B02-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
10	1. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	18	340.964.258	287.639.910
11	2. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	(56.964.609)	(54.693.449)
20	3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		283.999.649	232.946.461
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	20	13.005.919	15.553.360
22	5. Chi phí hoạt động tài chính		(774.673)	(403.443)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(53.314.074)	(58.082.725)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		242.916.821	190.013.653
31	8. Thu nhập khác		-	2.602
40	9. Lợi nhuận khác		-	2.602
50	10. Lợi nhuận kế toán trước thuế		242.916.821	190.016.255
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(49.999.395)	(37.718.902)
52	12. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	22.3	1.071.041	(971.883)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		193.988.467	151.325.470



Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

B03-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		242.916.821	190.016.255
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8	1.780.927	711.696
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(115.471)	(4.437)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.556.529)	(15.085.101)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		232.025.748	175.638.413
09	Tăng các khoản phải thu		(17.954.880)	(14.993.058)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		9.486.658	(21.084.240)
12	Tăng chi phí trả trước		(200.964)	(174.324)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(46.965.272)	(33.942.652)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		176.391.290	105.444.139
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & XDCBDD		(2.852.615)	(5.472.302)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	2.601
23	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(670.000.000)	(1.360.000.000)
24	Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		450.000.000	1.420.000.000
27	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		10.097.545	17.510.622
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/từ hoạt động đầu tư		(212.755.070)	72.040.921
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(200.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính		-	(200.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(36.363.780)	(22.514.940)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	5	53.472.464	75.982.967
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		115.471	4.437
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	17.224.155	53.472.464

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND'000	Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND'000	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND'000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND'000
				Tăng VND'000	Giảm VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000		
1. Vốn góp	17	25.000.000	25.000.000	-	-	-	-	25.000.000	25.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		2.500.000	2.500.000	-	-	-	-	2.500.000	2.500.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.500.000	2.500.000	-	-	-	-	2.500.000	2.500.000
4. Lợi nhuận chưa phân phối		296.606.045	247.931.515	151.325.470	(200.000.000)	193.988.467	-	247.931.515	441.919.982
TỔNG CỘNG		326.606.045	277.931.515	151.325.470	(200.000.000)	193.988.467	-	277.931.515	471.919.982



(Handwritten signature)

Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTQ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 03/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 5 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và quyết định điều chỉnh mới nhất số 106/GPĐC-UBCK ngày 3 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303827455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2022.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK. Ngày 26 tháng 3 năm 2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK cho phép bổ sung thêm dịch vụ tư vấn chứng khoán vào các giấy phép hiện hành của Công ty.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2138/GP ngày 29 tháng 10 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 2138/GPDC1 ngày 25 tháng 10 năm 2002. Công ty mẹ đã nhận Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 15 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép Kinh doanh điều chỉnh mới nhất số 15/GPĐC8/KDBH ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ và các giấy phép điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 23, Tòa nhà Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 28 nhân viên (31 tháng 12 năm 2023: 25 nhân viên) trong đó có một (1) nhân viên quản lý cấp cao, 11 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản và 2 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang thực hiện quản lý:

- Danh mục đầu tư của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam, và
- Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, và
- Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1),
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2),
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3),
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4), và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Cơ sở đo lường*

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích sử dụng nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính*

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, được làm tròn đến nghìn đồng gần nhất ("VND'000").

2.5 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng đáo hạn trong vòng 12 tháng hoặc dự định nắm giữ không quá một năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty thực hiện trích lập dự phòng.

Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Chi phí nâng cấp	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ theo khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc theo khoảng thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

4.11 *Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên*

Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên bao gồm khoản thưởng bằng tiền cho nhân viên mà Công ty có nghĩa vụ chi trả trong vòng ba năm. Khoản thưởng này được ghi nhận là khoản chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, tương ứng với khoản tăng nợ phải trả, trong khoảng thời gian mà nhân viên được hưởng các khoản thưởng này ("năm được nhận thưởng"). Khoản chi phí ghi nhận được điều chỉnh hàng năm bằng cách tham chiếu với lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Eastspring Investments trên toàn Châu Á trong năm được nhận thưởng.

4.12 *Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư*

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành.

4.13 *Các quỹ*

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập để sử dụng bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng thành viên theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Chủ sở hữu phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư, phí quản trị danh mục đầu tư và phí hỗ trợ phân bổ tài sản được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.16 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

4.20 Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Tiền gửi tại ngân hàng		
- Ngân hàng Deutsche Bank AG – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	16.351.691	21.677.949
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	872.464	1.794.515
	17.224.155	23.472.464
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
- Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-	30.000.000
	-	30.000.000
	17.224.155	53.472.464

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	140.000.000	105.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	140.000.000	30.000.000
- Ngân hàng MUFG, Chi nhánh Thành phố Hà Nội	80.000.000	45.000.000
- Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	40.000.000	-
	400.000.000	180.000.000

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được hưởng lãi suất từ 3,91%/năm đến 5,20%/năm.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Trả trước người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Trả trước công ty liên quan	5.711.631	-
	5.711.631	-

7.2 Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Phải thu công ty mẹ	86.039.448	75.510.781
Phải thu các công ty liên quan	612.409	-
Phải thu các công ty liên quan khác	1.825.186	254.632
	88.477.043	75.765.413

7.3 Phải thu khác

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Lãi dự thu	3.908.307	1.449.323
Phải thu từ người lao động	155.000	115.000
Đặt cọc tiền thuê	45.000	45.000
Phải thu khác (*)	37.846	546.227
	4.146.153	2.155.550

(*) Bao gồm trong khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là các khoản phải thu đã quá hạn có giá trị ghi sổ là 30 triệu VND (31 tháng 12 năm 2023: 30 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Chi phí nâng cấp</i> VND'000	<i>Thiết bị văn phòng</i> VND'000	<i>Tổng cộng</i> VND'000
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.551.403	3.009.540	4.560.943
Tăng trong năm	-	120.340	120.340
Thanh lý trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.551.403	3.129.880	4.681.283
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản đã khấu hao hết</i>	-	2.534.850	2.534.850
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	696.847	2.735.515	3.432.362
Khấu hao trong năm	485.668	204.938	690.606
Thanh lý trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.182.515	2.940.453	4.122.968
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	854.556	274.025	1.128.581
Số cuối năm	368.888	189.427	558.315

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính</i> VND'000
Nguyên giá	
Số đầu năm	131.501
Mua trong năm	2.363.341
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.067.902
Thanh lý	(131.501)
Số cuối năm	7.431.243
<i>Trong đó:</i>	
<i>Tài sản đã hao mòn hết</i>	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	131.501
Khấu hao trong năm	1.090.321
Thanh lý	(131.501)
Số cuối năm	1.090.321
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	6.340.922

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Phần mềm máy tính	368.934	5.067.902
	368.934	5.067.902

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Đặt cọc thuê văn phòng	1.238.356	1.238.356
	1.238.356	1.238.356

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND'000	Trong năm		Số cuối năm VND'000
		Phải trả VND'000	Đã nộp VND'000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.938.302	49.999.395	(46.965.272)	12.972.425
Thuế nhà thầu	1.138.768	1.936.997	(2.586.964)	488.801
Thuế thu nhập cá nhân	171.738	15.554.899	(14.913.402)	813.235
	11.248.808	67.491.291	(64.465.638)	14.274.461

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Các khoản tiền thưởng cho nhân viên	22.081.648	19.630.948
Chi phí hoạt động	10.569.605	2.628.408
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 16)	2.382.806	2.090.774
Các khoản khác	2.654.681	1.766.976
	37.688.740	26.117.106

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ công nghệ thông tin và hành chính văn phòng cho các công ty liên quan, chi tiết như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Phải trả cho công ty mẹ – Phi thương mại	1.272.834	-
Phải trả các công ty liên quan khác – Phi thương mại	1.964.815	350.910
Phải trả bên thứ ba – Phi thương mại	379.392	412.067
	3.617.041	762.977

Các khoản phải trả phi thương mại đối với công ty mẹ và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

15. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM

	<i>Năm nay</i> VND'000	<i>Năm trước</i> VND'000
Số đầu năm	1.261.724	1.294.074
Dự phòng trích lập trong năm	270.728	185.083
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(217.433)
Số cuối năm	1.532.452	1.261.724

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên (i)	1.322.718	5.023.949
Thưởng khác	220.862	279.193
	1.543.580	5.303.142

(i) Biến động của khoản thưởng dài hạn cho nhân viên trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VND'000	<i>Năm trước</i> VND'000
Số đầu năm	5.023.949	3.409.287
Dự phòng trích lập trong năm	4.214.396	3.728.996
Đã chi trả trong năm	(5.532.821)	(23.560)
Chuyển sang các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên đến hạn trả trong 12 tháng (<i>Thuyết minh 13</i>)	(2.382.806)	(2.090.774)
Số cuối năm	1.322.718	5.023.949

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép Kinh doanh số 51/GP-UBCK VND'000	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đã góp VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	25.000.000	100	25.000.000

18. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư (i)	279.651.079	235.651.053
Doanh thu hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản (ii)	35.147.315	31.811.763
Doanh thu hoạt động quản trị quỹ (iii)	17.583.884	16.100.915
Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư (iv)	2.486.341	1.130.852
Doanh thu từ hoạt động báo cáo hiệu suất chuyên sâu (v)	6.095.639	2.945.327
	340.964.258	287.639.910

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty quản lý năm (05) danh mục đầu tư chứng khoán và một (01) quỹ đầu tư với tổng giá trị tài sản ròng là 180.512 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2023: 170.886 tỷ VND).

Công ty quản lý danh mục đầu tư cho Quỹ Nhân thọ, Quỹ Chủ sở hữu, Quỹ Liên kết Đơn vị, Quỹ Liên kết chung và Quỹ Hưu trí của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (công ty mẹ) theo hợp đồng quản lý đầu tư có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2008. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phí quản lý danh mục đầu tư nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 274.111 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 232.670 triệu VND).

Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 09/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 3.649 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.981 triệu VND).

Từ tháng 11 năm 2024, Công ty cũng quản lý Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam, một quỹ mở được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận thành lập quỹ số 187/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 13 tháng 11 năm 2024. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phí quản lý nhận được từ các dịch vụ cung cấp cho Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam là 1.892 triệu VND.

(ii) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu từ hoạt động giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 35.147 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 31.812 triệu VND).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

18. DOANH THU THUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)

- (iii) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu từ hoạt động quản trị quỹ cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 17.584 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 16.101 triệu VND).
- (iv) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư cho Eastspring Investments (Singapore) Limited là 2.486 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.131 triệu VND).
- (v) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, doanh thu từ hoạt động báo cáo hiệu suất chuyên sâu cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam là 6.096 triệu VND (Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.945 triệu VND).

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm nay</i> <i>VND'000</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND'000</i>
Chi phí nhân viên	25.719.980	27.146.403
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.943.697	7.702.209
Chi phí dịch vụ CNTT	6.601.011	12.850.821
Chi phí dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin thị trường	5.382.189	3.408.799
Chi phí thuê văn phòng	2.270.252	2.443.121
Chi phí dịch vụ quỹ và trả cho nhà phân phối quỹ	728.739	792.159
Chi phí khấu hao	318.741	349.937
	56.964.609	54.693.449

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND'000</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND'000</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.556.529	15.082.500
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	449.390	470.860
	13.005.919	15.553.360

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000 (trình bày lại)
Chi phí nhân viên	38.670.970	29.173.491
Chi phí dịch vụ CNTT	3.335.273	5.365.512
Chi phí thuê văn phòng	2.648.627	2.525.659
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	1.462.186	361.759
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.444.330	15.134.673
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp (*)	474.070	462.000
Chi phí dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin thị trường	11.651	116.125
Chi phí khác	5.266.967	4.943.506
	53.314.074	58.082.725

(*) Bao gồm phí kiểm toán báo cáo tài chính và phí kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty đã được cơ quan thuế quyết toán thuế đến năm 2011.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	49.999.380	37.644.698
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	15	74.204
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh số 22.3)	(1.071.041)	971.883
	48.928.354	38.690.785

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	242.916.821	190.016.255
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2023: 20%)	48.583.365	38.003.250
Điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	344.974	613.331
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	15	74.204
Chi phí thuế TNDN	48.928.354	38.690.785

22.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán.

22.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Chi phí phải trả	3.179.725	1.410.917	1.768.808	(1.267.554)
Các khoản thưởng dài hạn cho nhân viên và thưởng khác	308.716	1.060.628	(751.912)	302.141
Trợ cấp thôi việc	306.490	252.345	54.145	(6.470)
	3.794.931	2.723.890	1.071.041	(971.883)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND'000	Năm trước VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý danh mục đầu tư Phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản	274.110.592	232.670.092
		Phí dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu	35.147.315	31.811.763
		Phí dịch vụ quản trị quỹ	6.095.639	2.945.327
		Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành	17.583.884	16.100.915
		Chi phí trả hộ cho Công ty	(3.433.668)	(3.763.475)
		Chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ	(1.034.511)	(932.027)
			-	(200.000.000)
Prudential Corporation Holdings Ltd	Bên liên quan	Chi hộ cho Công ty	(654.565)	(589.759)
		Phí dịch vụ hỗ trợ vận hành	2.840.538	(15.996.999)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Bên liên quan	Phí liên quan đến dịch vụ CNTT và vận hành	(25.869.587)	(17.616.839)
		Chi phí trả hộ cho Công ty	(20.168)	-
		Thu lại chi phí trả hộ bởi Công ty	-	215.729
		Chi phí trả hộ bởi Công ty	-	102.600
		Phí tư vấn	2.486.341	1.130.852
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Bên liên quan	Phí dịch vụ hỗ trợ	77.217	(2.153.758)
Prudential Services Asia Sdn Bhd	Bên liên quan	Chi hộ cho Công ty	10.883	(81.292)
Prudential Services Singapore Pte Ltd	Bên liên quan	Phí dịch vụ hỗ trợ	(2.535.964)	(1.570.538)
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	3.648.881	2.980.961
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	1.891.606	-
Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Ban Quản lý	Lương, thưởng và phúc lợi khác	43.719.349	40.027.279

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm Phải thu/ (Phải trả) VND'000	Số đầu năm Phải thu/ (Phải trả) VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải thu phí dịch vụ giải pháp đầu tư và phân bổ tài sản Phải thu phí dịch vụ báo cáo hiệu suất chuyên sâu	70.962.574 8.982.194	61.772.783 8.262.053
		Phải thu phí dịch vụ quản trị quỹ Phải trả phí dịch vụ CNTT và vận hành Các khoản phải trả khác	4.483.629 1.611.051 (1.155.751) (117.083)	1.294.262 4.181.683 - -
Prudential Corporation Holdings Ltd	Bên liên quan	Trả trước/(Phải trả) phí trả hộ cho công ty	5.711.631	(350.910)
Eastspring Investments (Singapore) Limited	Bên liên quan	Phải trả phí dịch vụ CNTT và vận hành Phí tư vấn Phải thu chi phí trả hộ bồi công ty	(1.964.816) 612.409 -	- - 102.600
Eastspring Investments Services Pte Ltd	Bên liên quan	Phải thu phí dịch vụ hỗ trợ	7.846	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	303.355	254.632
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	1.521.831	-



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền giữ hộ nhà đầu tư ủy thác trong nước và quỹ đầu tư dưới sự quản lý của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam (i)	3.363.952.573	2.321.941.701
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (ii)	30.177.035	43.828.036
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam (iii)	75.007.743	-
	3.469.137.351	2.365.769.737

(i) Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Số đầu năm	2.321.941.701	4.070.575.860
Tăng trong năm	129.094.403.018	138.745.206.210
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	106.262.391.369	114.996.142.150
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	22.832.011.649	23.749.064.060
Giảm trong năm	(128.052.392.146)	(140.493.840.369)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(108.323.445.366)	(114.817.992.453)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(19.728.946.780)	(25.675.847.916)
Số cuối năm	3.363.952.573	2.321.941.701

(ii) Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Số đầu năm	43.828.036	15.234.111
Tăng trong năm	647.832.915	464.726.630
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	641.729.322	463.715.630
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	6.103.593	1.011.000
Giảm trong năm	(661.483.916)	(436.132.705)
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(653.436.180)	(428.682.509)
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(3.020.008)	(3.030.196)
Tiền giảm khác	(5.027.728)	(4.420.000)
Số cuối năm	30.177.035	43.828.036

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.494.138.688	-
Nhận tiền từ bán chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	88.721.256	-
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	1.405.417.432	-
Giảm trong năm	(1.419.130.945)	-
Thanh toán mua chứng khoán và các khoản đầu tư tiền gửi	(1.418.228.028)	-
Rút vốn của nhà đầu tư ủy thác	(497.423)	-
Tiền giảm khác	(405.494)	-
Số cuối năm	75.007.743	-

25. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết	14.661.672.974	12.655.003.524
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>	<i>3.819.733.262</i>	<i>2.292.958.426</i>
Chứng khoán nợ niêm yết	75.544.457.381	77.704.041.655
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	17.864.500.000	13.656.311.523
Tiền gửi có kỳ hạn	44.311.228.113	40.312.660.482
Chứng chỉ tiền gửi	2.224.347.287	-
Chứng chỉ quỹ (*)	1.390.000.000	-
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết	135.991.623	109.186.118
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>	<i>39.681.314</i>	<i>6.366.170</i>
Chứng khoán nợ chưa niêm yết	11.982.700	-
Tiền gửi có kỳ hạn	34.228.162	35.805.972
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam		
Chứng khoán vốn niêm yết (**)	1.329.472.012	-
<i>Trong đó, chứng khoán vốn niêm yết bị giảm giá bao gồm:</i>	<i>311.614.626</i>	<i>-</i>
	156.117.880.252	144.473.009.274

(*) Đây là khoản đầu tư của PVA vào Quỹ đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam, được đánh dấu (**) bên dưới.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

26. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	3.034.541.902	3.457.898.786
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	2.279.160.627	2.392.512.535
Phải thu cổ tức, trái tức	195.572.225	316.243.310
Phải thu tiền bán chứng khoán	88.652.816	30.124.116
Các khoản phải thu khác	-	9.532.951
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	511.993	917.408
Lãi phải thu từ chứng khoán nợ	183.729	-
	5.598.623.292	6.207.229.106

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam		
Phải trả tiền mua chứng khoán	93.622.528	428.788.597
Phải trả phí khác	17.156.308	14.490.157
Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam		
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	3.837.287
Phải trả phí khác	870.793	595.038
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu ESG Eastspring Investments Việt Nam		
Phải trả tiền mua chứng khoán	-	-
Phải trả phí khác	1.885.280	-
	113.534.909	447.711.079

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm</i> VND'000	<i>Số đầu năm</i> VND'000
Dưới 1 năm	4.889.900	4.826.375
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	2.476.713	7.366.613
	7.366.613	12.192.988

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

29. NGOẠI TỆ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	78.125,94	1.991.040	36.123,64	876.432

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

30.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tương đương tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không chịu ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ báo cáo năm như sau:

	<i>Không quá hạn VND'000</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND'000</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Các công cụ tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.224.155	-	-	17.224.155
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000	-	-	400.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	88.477.043	-	-	88.477.043
Các khoản phải thu khác	11.066.140	-	30.000	11.096.140
	516.767.338	-	30.000	516.797.338
	<i>Không quá hạn VND'000</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND'000</i>	<i>Bị giảm giá trị riêng lẻ VND'000</i>	<i>Tổng cộng VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Các công cụ tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.472.464	-	-	53.472.464
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	180.000.000	-	-	180.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	75.765.413	-	-	75.765.413
Các khoản phải thu khác	3.363.906	-	30.000	3.393.906
	312.601.783	-	30.000	312.631.783

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở không chiết khấu.

	<i>Dưới 1 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Từ 1 đến</i> <i>3 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	306.180	-	306.180
Phải trả ngắn hạn khác	3.617.041	-	3.617.041
Chi phí phải trả	-	13.224.286	13.224.286
	3.923.221	13.224.286	17.147.507
	<i>Dưới 1 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Từ 1 đến</i> <i>3 tháng</i> <i>VND'000</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>VND'000</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả ngắn hạn khác	762.977	-	762.977
Chi phí phải trả	-	4.395.384	4.395.384
	762.977	4.395.384	5.158.361

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.224.155	-	53.472.464	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000	-	180.000.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ	88.477.043	-	75.765.413	-
Các khoản phải thu khác	11.096.140	(30.000)	3.393.906	(30.000)
	516.797.338	(30.000)	312.631.783	(30.000)
			516.767.338	312.601.783
	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000	Số cuối năm VND'000	Số đầu năm VND'000
	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm VND'000	Giá trị hợp lý	Số đầu năm VND'000
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	306.180	-	306.180	-
Phải trả ngắn hạn khác	3.617.041	762.977	3.617.041	762.977
Chi phí phải trả	13.224.286	4.395.384	13.224.286	4.395.384
	17.147.507	5.158.361	17.147.507	5.158.361

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Hoài Thu
Kế toán



Bà Lê Minh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Ngô Thế Triệu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2025

